TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2018/HS-ST
Ngày 14-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Đình Tư
Ông Vũ Ngọc Hân
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bạch Minh T**, sinh năm 1984 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Số nhà A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch Hữu K, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; có vợ là Nguyễn Đỗ Bình N, sinh năm 1980 và 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 17/QĐ/XPVPHC ngày 17/4/2003, Trưởng Công an phường L, thành phố B xử phạt 100.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Ngày 27/12/2005, Trưởng Công an phường T, thành phố B xử phạt 100.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

+ Tại bản án số 125/HSST ngày 18/7/2003, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang (nay là thành phố B, tỉnh Bắc Giang) xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Tại bản án số 69/2006/HSST ngày 24/4/2006, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Tại Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 29/4/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân thành phố B áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

+ Tại bản án số 47/2010/HSST ngày 05/5/2010, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 29/3/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 12 tháng.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

** Bị hại:*

1. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1993, địa chỉ: Phố B, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Chị Lê Thị A, sinh năm 1991, địa chỉ: Biển D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Cao T, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 63, đường Q, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bạch Minh T là người nghiện chất ma túy, không có việc làm ổn định. Khoảng 19 giờ ngày 23/8/2018, T đi bộ một mình từ nhà sang khu nhà trọ ở địa chỉ số nhà 02 ngõ 158, đường T, phường L, thành phố B, mục đích xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến nơi thấy cổng nhà trọ mở, T đi vào bên trong thì nhìn thấy cửa phòng trọ của chị Đoàn Thị H và chị Lê Thị A đang mở. T nhìn vào bên trong phòng thì thấy chị Yến đang nấu cơm trong bếp, trên giường ngủ có để hai chiếc điện thoại di động đang sạc pin. Quan sát chị Yến không để ý nên T đi vào trong phòng trọ, dùng một tay cầm điện thoại, một tay rút dây sạc trộm cắp được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng của chị Yến và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng của chị Lê Thị A. Khi T cầm hai chiếc điện thoại trộm cắp được đi ra ngoài cửa phòng trọ thì bị chị Yến phát hiện, hô hoán. T cầm hai chiếc điện thoại bỏ chạy ra đường T, phường L, sau đó đi đến cửa hàng mua bán điện thoại "Thắng Mobile" của anh Nguyễn Cao T tại số nhà 63, đường Q, phường P, thành phố B. Tại đây, T kiểm tra thấy bên trong ốp lưng phía sau của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng có để số tiền 41.000 đồng, gồm hai tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng gấp hình trái tim nên T lấy toàn bộ số tiền này rồi đặt vấn đề bán hai chiếc điện thoại. Anh Thắng kiểm tra, đồng ý mua hai chiếc điện thoại với giá 1.800.000 đồng, anh Thắng tháo 03 chiếc sim trong hai

chiếc điện thoại ra đưa lại cho T. Số tiền có được, T khai đã chi tiêu cá nhân hết còn 03 chiếc sim thì T vứt trên đường đi về.

Ngày 23/8/2018, chị Đoàn Thị H và chị Lê Thị A đã trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường vụ án.

Ngày 25/8/2018, Bạch Minh T đã đến Công an thành phố B đầu thú, giao nộp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Mobistar, màu trắng. Đối với 03 chiếc sim điện thoại do T vứt bỏ, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Cùng ngày 25/5/2018, anh Nguyễn Cao T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số imel: 359319060055002. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu hồng tại Cơ quan điều tra, anh Thắng khai đã bán lại cho một người đàn ông không quen biết, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được.

Ngày 31/8/2018, Cơ quan điều tra đã cho chị Đoàn Thị H nhận dạng. Kết quả, chị Yến nhận ra Bạch Minh T chính là người đã trộm cắp điện thoại ngày 23/8/2018. Cùng ngày 31/8/2018, Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Cao T nhận dạng, kết quả anh Thắng nhận ra Bạch Minh T chính là người đã bán cho anh Thắng hai chiếc điện thoại ngày 23/8/2018.

Ngày 31/8 /2018, Cơ quan điều tra cho thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả Bạch Minh T đã thực hiện lại hành vi trộm cắp tài sản như đã khai nhận tại cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 90/KL-HĐĐG ngày 28/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, có số Imel 359319060055002, đã qua sử dụng có giá trị là 4.500.000 đồng;

- 01 ốp lưng điện thoại di động Iphone 6 Plus, màu xanh tím than, đã qua sử dụng có giá trị là 50.000 đồng;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu hồng, đã qua sử dụng có giá trị là 1.500.000 đồng;

- 01 ốp lưng điện thoại di động OPPO A37, màu trắng trong, đã qua sử dụng có giá trị là 5.000 đồng.

Đối với 03 chiếc sim điện thoại do việc đăng ký cấp lại sim là miễn phí nên Cơ quan điều tra không yêu cầu định giá.

Ngày 12/10/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Đoàn Thị H chiếc điện thoại bị trộm cắp. Đối với chiếc ốp lưng điện thoại và chiếc sim điện thoại nêu trên chị Yến không có yêu cầu bồi thường gì. Đến nay, chị Lê Thị A yêu cầu T phải bồi thường dân sự 1.546.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Cao T là người mua tài sản do T đem bán nhưng không biết đó là do trộm cắp mà có nên anh Thắng không vi phạm pháp luật. Đến nay, anh Thắng yêu cầu T phải hoàn trả 1.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Bạch Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 183/CT-VKS ngày 22 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Bạch Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Bạch Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bạch Minh T từ 8 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc:

- Bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị A số tiền 1.546.000đồng.
- Bị cáo phải trả anh Nguyễn Cao T số tiền 1.000.000 đồng.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu trắng đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm đoàn tụ gia đình, nuôi con nhỏ, chăm bố mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 23/8/2018, tại phòng trọ ở số nhà 02, ngõ 158, đường T, phường L, thành phố B, Bạch Minh T đã có hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: Trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, có số Imel 359319060055002 có giá trị 4.500.000 đồng và 01 ốp lưng điện thoại di động Iphone 6 Plus, màu xanh tím than có giá trị 50.000 đồng của chị Đoàn Thị H; trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu hồng có giá trị 1.500.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại di động OPPO

A37, màu trắng trong, đã qua sử dụng có giá trị 5.000 đồng và số tiền 41.000 đồng của chị Lê Thị A. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 6.096.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử lý vi phạm hành chính, bị xét xử về hình sự nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là kẻ coi thường pháp luật. Do đó, cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách li bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú tại Cơ quan Công an. Do đó, cần áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị A yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 1.546.000đồng; anh Nguyễn Cao T yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền 1.000.000đồng; bị cáo T nhất trí với các yêu cầu trên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị A và anh Nguyễn Cao T, buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị Lê Thị A số tiền 1.546.000 đồng, hoàn trả anh Nguyễn Cao T số tiền 1.000.000đồng theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu trắng đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 579, Điều 580, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Tuyên bố bị cáo Bạch Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bạch Minh T 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bạch Minh T phải bồi thường cho chị Lê Thị A số tiền 1.546.000đồng, hoàn trả anh Nguyễn Cao T số tiền 1.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu trắng đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Giang